TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TC** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 16-3-2023
V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Mai Xiêng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lò Văn Quốc

2. Bà Lý Thị Vinh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lan Phượng - Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Bích Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2022/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị N, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Bản H, xã P, huyện TC, tỉnh Sơn La. (Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lường Văn Nước, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Bản H, xã P, huyện TC, tỉnh Sơn La. . (Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lường Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lường Thị N và anh Lường Văn Nước kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 22/6/2015, tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Bôm, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2021 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra

cãi vã, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Chị Lường Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị ly hôn với anh Lường Văn Nước.

Về con chung: Chị Lường Thị N và anh Lường Văn Nước có 01 (một) con chung là cháu Lường Văn V, sinh ngày 08/6/2017. Hiện tại cháu Lường Văn V đang sống chung với anh Lường Văn Nước.

Sau khi ly thân Lường Thị N về sống với bố, mẹ đẻ tại xã Chiềng Bôm, huyện TC, tỉnh Sơn La. Chị Lường Thị N làm trồng trọt, chăn nuôi, thu nhập bình quân hàng tháng 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng

Chị Lường Thị N nhất trí để anh Lường Văn Nước được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lường Văn V.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lường Thị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Lường Văn V mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lường Thị N cam đoan không có nợ chung.

Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lường Văn Nước trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lường Văn Nước và chị Lường Thị N kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 22/6/2015, tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Bôm, huyện TC, tỉnh Sơn La, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống đến năm 2020 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do xảy ra cãi vã, chị Nga bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Hiện tại Lường Văn Nước và chị Lường Thị N đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, không ai quan tâm tới cuộc sống của ai. Anh Lường Văn Nước xác định vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn chị Lường Thị N.

Về con chung: Anh Lường Văn Nước và chị Lường Thị N có 01 (một) con chung là cháu Lường Văn V, sinh ngày 08/6/2017. Hiện tại cháu Lường Văn V đang sống chung với anh Lường Văn Nước. Anh Lường Văn Nước đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lường Văn V.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lường Văn Nước yêu cầu chị Lường Thị N cấp dưỡng nuôi con chung cháu Lường Văn V mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Anh Lường Văn Nước không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh Lường Văn Nước cam đoan không có nợ chung.

Đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Chị Lường Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Chị Nga giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trong bản tự khai.

Anh Lường Văn Nước có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Nước giữ nguyên ý kiến trong bản tự khai.

Tại biên bản xác minh ngày 03/02/2023: Tại bản Huổi Luông, xã Phổng Lăng, huyện TC, tỉnh Sơn La, chị Lường Thị N, anh Lường Văn Nước có nơi cư trú ổn định. Quá trình chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn không nắm được. Hiện tại chị Lường Thị N, anh Lường Văn Nước đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Chị Lường Thị N và anh Lường Văn Nước có 01 (một) con chung, Lường Văn V, sinh ngày 08/6/2017, hiện tại cháu Việt đang sống chung với anh Nước. Chị Lường Thị N, anh Lường Văn Nước làm trồng trọt, chăn nuôi. Anh Nước có thu nhập bình quân từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng/ tháng, chị Nga có thu nhập bình quân từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng/ tháng. Chị Lường Thị N, anh Lường Văn Nước đều có đủ khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lường Thị N được ly hôn anh Lường Văn Nước.

Về con chung: Giao cháu Lường Văn V, sinh ngày 08/6/2017 cho anh Lường Văn Nước trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Lường Thị N có

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho cháu Lường Văn V, mức cấp dưỡng mỗi tháng 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lường Thị N, anh Lường Văn Nước cam đoan không có nợ chung.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ nguyên đơn chị Lường Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lường Thị N yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn anh Lường Văn Nước có địa chỉ tại bản Huổi Luông, xã Phổng Lăng, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Lường Thị N, bị đơn anh Lường Văn Nước: Nguyên đơn chị Lường Thị N, bị đơn anh Lường Văn Nước có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị N và anh Lường Văn Nước kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 22/6/2015, tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Bôm, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện, sau khi kết hôn đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay chị Lường Thị N và anh Lường Văn Nước đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, không ai quan tâm tới cuộc sống của ai. Chị Nga cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Lường Văn Nước. Anh Lường Văn Nước nhất trí ly hôn.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai, biên bản xác minh tại chính quyền địa phương.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nga và anh Nước trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xử cho chị Lường Thị N được ly hôn anh Lường Văn Nước. Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Lường Thị N và anh Lường Văn Nước có 01 (một) con chung là cháu Lường Văn V, sinh ngày 08/6/2017. Hiện tại cháu Lường Văn V đang được anh Nước chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị Lường Thị N nhất trí

để anh Lường Văn Nước được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Việt, chị Nga tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Lường Văn V, mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 3 năm 2023. Anh Lường Văn Nước có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Việt, anh Nước yêu cầu chị Nga cấp dưỡng nuôi con chung cháu Lường Văn V mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp, tài liệu thu thập của Toà án: chị Nga, anh Nước có nơi cư trú ổn định, hiện nay làm trồng trọt, chăn nuôi. Anh Nước có thu nhập bình quân từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng/ tháng, chị Nga có thu nhập bình quân từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng/ tháng (hiện tại cháu Việt đang ở với anh Nước).

Từ các căn cứ nêu trên xét thấy: Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về thể chất, tinh thần, cần giao cháu Lường Văn V cho anh Lường Văn Nước trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lường Thị N có thu nhập bình quân từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng/ tháng, chị Nga tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Lường Văn V mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 3 năm 2023 là có căn cứ cần chấp nhận.

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản riêng: Không có.

[6] Về nợ chung: Chị Lường Thị N, anh Lường Văn Nước không có nợ chung.

[7] Về án phí: Chị Lường Thị N có ý kiến xin miễn án phí dân sự sơ thẩm, xét thấy chị Lường Thị N là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khan, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ cho nguyên đơn chị Lường Thị N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lường Thị N được ly hôn anh Lường Văn Nước.

2. Về con chung: Giao cháu Lường Văn V, sinh ngày 08/6/2017 cho anh Lường Văn Nước trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3**.** Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị Lường Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Lường Văn V, sinh ngày 08/6/2017, mức cấp dưỡng mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi cháu trưởng thành và có khả năng lao động. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 3 năm 2023.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tài sản riêng: Không có.

6. Về nợ chung: Chị Lường Thị N và anh Lường Văn Nước không có nợ chung.

7. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ cho nguyên đơn chị Lường Thị N. Hoàn trả lại chị Lường Thị N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2021/0002067, ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Sơn La.

8. Về quyền kháng cáo: Chị Lường Thị N, anh Lường Văn Nước được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã Chiềng Bôm, huyện TC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lò Mai Xiêng